

Số: 246 /QĐ-UBND

Phú Thượng, ngày 06 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống Quản lý chất lượng
phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thượng năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ THƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng - các yêu cầu;

Căn cứ Kế hoạch số 64 /KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai việc chuyển đổi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - thống kê phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống Quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân UBND phường Phú Thượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 92/QĐ-UBND vào ngày 26 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND xã .

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê UBND phường, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO phường, các công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND Thành phố (b/c);
- Phòng Nội vụ Thành phố (b/c);
- TT Đảng ủy, HĐND, UBMTTQVN phường;
- Chủ tịch và các PCT UBND phường;
- Các ban, ngành, đoàn thể phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT, BCĐ ISO

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Toàn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ THƯỢNG

**Công bố Hệ thống Quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân
phường Phú Thượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO
9001:2015 đối với các hoạt động liên quan đến thủ tục hành chính thuộc
thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường Phú Thượng năm 2021.**

*(Tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-UBND,
ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân
phường Phú Thượng)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Phú Thượng, ngày 06 tháng 10 năm 2021
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Toàn

Phụ lục I:
DANH MỤC
Thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa
tại Bộ phận TN&TKQ của UBND phường Phú Thượng

*(Đính kèm Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 06/10/2021
của UBND phường Phú Thượng)*

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
I.	LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (18 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Người có công (02 TTHC)		
1.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
2.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi		
	2. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 TTHC)		
3.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
4.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		
5.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
6.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		
7.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
8.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		
	3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (07 TTHC)		
9.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	
10.	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		
11.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	
12.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
13.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm		
14.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong		

	năm		
15.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.		
	4. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)		
16.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
17.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng		
18.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng		
II	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)		
19.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 25/02/2019	
20.	Sáp nhập, chia, tách, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
21.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
22.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại		
23.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học		
III	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (06 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (03 TTHC)	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 04/02/2020	
24.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội		
25.	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa		
26.	Thủ tục xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa		
	2. Thư viện (03 TTHC)	Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	
27.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng		
28.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng		
29.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng		
IV	Y TẾ (01 TTHC)		
30.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	
V	NỘI VỤ (14 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)	Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	
31.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng		
32.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		
33.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		

34.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
35.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
36.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
37.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã		
38.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		
39.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
40.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
	2. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC)		
41.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	
42.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề		
43.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất		
44.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến		
VI.	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (24 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Phí Môi trường đối với nước thải (01TTHC)		
45.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	
	2. Lĩnh vực Đất đai (23 TTHC)		
	Mục 1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (02 TTHC)		
46.	Hòa giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	
47.	Cung cấp dữ liệu đất đai		
	Mục 2. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện (21 TTHC)		
	Hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn nộp hồ sơ tại UBND cấp xã		
48.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	
49.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng		

	quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất			
50.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận			
51.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề			
52.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế			
53.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu			
54.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018		
55.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân			
56.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu			
57.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu			
58.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất			
59.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp			
60.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở			
61.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định			
62.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu		Quyết định số 2891/QĐ-	

	tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở	UBND ngày 12/12/2018	
63.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		
64.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		
65.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		
66.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất		
67.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	
68.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất		
VII.	QUY HOẠCH XÂY DỰNG (01 TTHC)		
69	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã	Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	
VIII.	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (03 TTHC)		
70	Thông báo thành lập tổ hợp tác		
71	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 16/12/2019	
72	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác		
IX.	TƯ PHÁP (34 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)		

73.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Quyết định số 25 88/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
74.	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật		
	2. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)		
75.	Công nhận hòa giải viên		
76.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		
77.	Thôi làm hòa giải viên		
78.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên		
	3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)		
79.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
	4. Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)		
80.	Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
81.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		
82.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản		
83.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
84.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
85.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
86.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
87.	Chứng thực di chúc		
88.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
89.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
90.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
	5. Lĩnh vực Hộ tịch (14 TTHC)		
91.	Đăng ký khai sinh	Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	
92.	Đăng ký kết hôn		
93.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con		
94.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con		
95.	Đăng ký khai tử		
96.	Đăng ký giám hộ		
97.	Đăng ký chấm dứt giám hộ		

98.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch		
99.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
100.	Đăng ký lại khai sinh		
101.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
102.	Đăng ký lại kết hôn		
103.	Đăng ký lại khai tử		
104.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch		
	6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 TTHC)		
105.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước		
106.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		
X	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (3 TTHC)		
107	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	
108	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh		
109	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu		
XI	QUÂN SỰ (12 TTHC)		
	1. Lĩnh vực động viên quân đội (02 TTHC)		
110	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020	
111	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)		
112	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ.		
	3. Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 TTHC)		
113	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.		
114	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết		
	4. Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự (07 TTHC)		

115	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu		
116	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị		
117	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung		
118	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
119	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
120	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng		
121	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến		
	5. Lĩnh vực chính sách		
122	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020	
123	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)		

Danh mục trên gồm 123 thủ tục hành chính./.

**Phụ lục II:
DANH MỤC**

Thủ tục Hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận TN&TKQ của UBND phường Phú Thượng

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND phường Phú Thượng)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
I.	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (20 TTHC)		
1	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	
2	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ		
3	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
4	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ		
5	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		
6	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần		
7	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần		
8	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến		
9	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày		
10	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	
11	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết		
12	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
13	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
14	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	
15	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
16	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ		
17	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		
	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ		

18	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
19	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia		
20	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
II.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (11 TTHC)		
21	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện.	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	
22	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.		
23	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	
24	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		
25	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
26	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		
27	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		
28	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng		
29	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	
30	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng		
31	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân		

Danh mục trên gồm 31 thủ tục hành chính ./.